

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

HỌC KỲ: 2 NĂM HỌC: 2024 - 2025

Bậc đào tạo: Cao đẳng liên thông

Môn học: Lập kế hoạch kinh doanh

Đáp án đề số: 1

Khóa/Lớp: 24C2-QKS1

Ngày thi:

Đáp án đề thi gồm 03 trang

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1 (3,0 điểm) Trình bày khái niệm kế hoạch kinh doanh. Nêu mục đích của việc lập kế hoạch kinh doanh và cho ví dụ minh họa.	Kế hoạch kinh doanh là bản đồ định hướng cho sự phát triển và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Kế hoạch kinh doanh được viết ra nhằm xác định các mục tiêu phát triển và cách thức thực hiện để đạt được mục tiêu.	0.5
	Trình bày về cơ hội kinh doanh tiềm năng và công việc kinh doanh mới của doanh nghiệp. Ví dụ minh họa: doanh nghiệp có ý tưởng mới	0.5
	Giúp doanh nghiệp nắm bắt được tình hình thực tế môi trường kinh doanh bên trong và bên ngoài doanh nghiệp Ví dụ minh họa: doanh nghiệp sử dụng mô hình SWOT	0.5
	Sắp xếp, bố trí các nguồn lực có hạn một cách hợp lý, đưa ra quyết định kinh doanh kịp thời, có hiệu quả Ví dụ minh họa: doanh nghiệp muốn nâng cao năng suất, hiệu quả tài chính	0.5
	Để tìm nguồn vốn và các nhà tài trợ, các bên có liên quan có thể giám sát được kết quả hoạt động. Ví dụ minh họa: cần vốn cho một ý tưởng kinh doanh mới.	0.5
	Để các nhà quản trị kiểm soát được hoạt động của doanh nghiệp trong từng giai đoạn: khởi nghiệp, tăng trưởng... Ví dụ minh họa: so sánh kế hoạch với thực tiễn	0.5

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 2 (3,0 điểm) Công ty A mua một tài sản cố định (mới 100%) với giá ghi trên hoá đơn (có thuế GTGT 8%) là 410.400.000 đồng, chiết khấu mua hàng là 5% giá trên hóa đơn, chi phí vận chuyển chiếm tỷ lệ 2% giá trên hóa đơn, chi phí lắp đặt, chạy thử chiếm tỷ lệ 3% giá trên hóa đơn. Chi phí khác 30.000.000 đồng (chưa VAT). Yêu cầu: Xác định chi phí khấu hao tài sản hàng năm theo phương pháp đường thẳng 1. Biết rằng thời gian trích khấu hao của tài sản cố định doanh nghiệp dự kiến là 5 năm. 2. Sau 2 năm sử dụng, doanh nghiệp nâng cấp tài sản cố định với tổng chi phí là 100.000.000 đồng, thời gian sử dụng được đánh giá lại là 4 năm. Doanh nghiệp khấu trừ thuế GTGT.	1. Giá mua trả ngay chưa thuế = $410.400.000 / (1 + 8\%) = 380.000.000$ đồng	0,5
	$NG_{TSCĐ} = 380.000.000 - 5\% \times 380.000.000 + (2\% + 3\%) \times 380.000.000 + 30.000.000 = 410.000.000$ đồng	0,5
	$Kt = 410.000.000 / 5 = 82.000.000$ đồng	0,5
	2. Giá trị còn lại của TSCĐ = $410.000.000 - (82.000.000 \times 2) = 246.000.000$ đồng	0,5
	Giá trị TSCĐ sau khi nâng cấp = $246.000.000 + 100.000.000 = 346.000.000$ đồng	0,5
	$Kt = 346.000.000 / 4 = 86.500.000$ đồng	0,5
Câu 3 (4,0 điểm) Trong năm báo cáo tại công ty X có tài liệu kinh doanh như sau: (theo bảng 1 đính kèm) Trên cơ sở số liệu năm báo cáo, công ty X dự kiến năm kế hoạch với các dữ liệu như sau: - Giá thành sản xuất tăng 5% - Giá bán tăng 10%. - Sản lượng tiêu thụ giảm 2%. - Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 10% doanh thu tiêu thụ hàng hóa, chi phí bán hàng chiếm tỷ lệ 8% giá vốn hàng bán. - Trong năm kế hoạch doanh nghiệp sẽ có thu nhập từ khoản đầu tư góp vốn liên doanh là 80 triệu đồng. - Đề chỉnh trang khách sạn công ty dự kiến vay vốn ngân hàng	Tính được lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ kế hoạch	0,5
	Tính được giá thành sản xuất trong kỳ kế hoạch	0,5
	Tính được giá bán trong kỳ kế hoạch	0,5
	Tính được doanh thu hoạt động: 4.840.759.000 đồng	0,5
	Tính được tổng doanh thu: 4.920.759.000 đồng	
	Tính được giá vốn hàng bán: 3.513.006.000 đồng	0,5
	Tính được chi phí bán hàng: 281.040.480 đồng	0,5
	Tính được chi phí quản lý doanh nghiệp: 484.075.900 đồng	
	Tính được tổng chi phí: 4.278.122.380 đồng	
	Tính được EBIT: 642.636.620 đồng	0,5

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
với số tiền 500 triệu đồng với lãi suất vay là 8%/năm. Yêu cầu: Ước tính lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp trong năm kế hoạch. Biết doanh nghiệp khấu trừ thuế GTGT, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, thuế suất thuế GTGT là 10%.	Tính được EBT: 602.636.620 Tính được EAT: 482.109.296 đồng	0,5
Cộng điểm		10,0

Bảng kèm theo câu 3:

Phòng	Lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ	Giá thành SX (đồng/sp)	Giá bán có thuế (đồng/sp)
Standard	600	650.000	1.015.200
Family room	1.450	1.120.000	1.566.000
Suit	800	1.750.000	2.462.400

Số liệu năm kế hoạch

Phòng	Lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ	Giá thành SX (đồng/sp)	Giá bán có thuế (đồng/sp)
Standard	588,00	682.500	1.116.720
Family room	1.421,00	1.176.000	1.722.600
Suit	784,00	1.837.500	2.708.640

----- HẾT -----

TRƯỞNG KHOA/TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN SOẠN ĐÁP ÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)